MỘT VÀI TẬP TỤC ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHOẺ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM CỦA NGƯỜI VE (GIÉTRIÊNG)

NGUYỄN VĂN MINH

Trong chiến lược dân số hiện nay, cùng với chương trình kế hoạch hoá gia đình- giảm tỷ lệ sinh tự nhiên, chúng ta cũng coi trọng vấn đề chất lượng dân số, trong đó sức khoẻ người dân là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng dân số. Do đó bài báo chỉ hạn chế ở việc trình bày một vài tập tục có ảnh hưởng đến dân số và sức khoẻ bà mẹ, trẻ em của người Ve qua tư liệu điền dã của tác giả năm 1994- 1995.

Người Ve ở Việt Nam hiện có khoảng 1.617 người([1]). Trước đó, dân số Ve vào năm 1979 là 959 người và năm 1989 là 1.417([2]) người. Họ sống tập trung tại vùng giáp ranh giữa biên giới Việt- Lào, thuộc hai xã Đak Pre và Đak Pring, huyện Giằng, tỉnh Quảng Nam. Theo danh mục thành phần dân tộc năm 1979 của Tổng cục Thống kê người Ve được coi là một nhóm địa phương của dân tộc Gíe- Triêng([3]).

I. TẬP TỤC TRONG SINH ĐẺ

Do đời sống còn nhiều khó khăn, nên cũng như hầu hết các dân tộc khác trong vùng, phụ nữ Ve khi mang thai vẫn ăn uống và làm việc bình thường như các thành viên khác trong gia đình cho tới cận ngày sinh đẻ, thậm chí có người còn chuyển dạ khi đang lao động trên nương rẫy hoặc trong rừng sâu. Nói cách khác, họ không có điều kiện để dưỡng thai trong thời gian mang thai. Để bảo vệ thai nhi, người mang thai kiêng không leo trèo cây cối và lội xuống nước sâu quá bụng ở các khu rừng rậm hoang vu. Giải thích về vấn đề này, đồng bào cho rằng ở đó có ma, nếu lội xuống nước quá bụng, ma sẽ bắt mất con (thai nhi sẽ chết). Tuy nhiên trên thực tế ở các vũng nước này do nhiều loại sinh vật chết bị phân huỷ ngưng động lại, cùng với sự âm u thiếu ánh sáng và không khí ở các khu rừng rậm nên nước và khí hậu ở đây lạnh và nhiều độc chất... nên khi người mang thai lội xuống nước ngập quá bụng sẽ ảnh hưởng đến thai nhi. Ngoài ra, trong thời gian người vợ có thai, người chồng cũng phải kiêng nhiều thứ khác, chẳng hạn như không bắn, giết các con vật như mang, khỉ, chồn, rắn... đặc biệt không cắt tiết động vật và cố tình làm người khác chảy máu, vì sợ vợ con cũng sẽ chết hoặc bị thương giống như mình đã làm đối với các con vật này. Sau khi vợ đẻ người chồng tiếp tục kiêng như vậy một năm nữa.

Sản phụ người Ve đẻ quỳ ở trong nhà, ngay tại nơi ở của mình. Tuy nhiên tương tự như nhiều dân tộc người Thượng khác, người Ve quan niệm những hành động xấu xa, trái ý thần linh cần phải bị xử phạt và làm lễ tạ tội để dân làng không bị thần linh trừng phạt. Bởi vậy, những trường hợp ngoại tình, loạn luân mà có thai, chửa hoang, thậm chí có thai trước khi đủ một năm kể từ ngày cưới... đều bị làng xử phạt nghiêm khắc. Kẻ mang thai trái luật tục bị đuổi ra khỏi làng, sống cách ly ở ngoài rừng. Trong thời gian này, cùng với sự trợ giúp của người tình, người phụ nữ phải tự lo liệu cuộc sống và sinh đẻ cho mình. Sau khi đẻ từ 2 ngày trở lên họ được phép về làng để ở, nhưng phải làm lễ cúng cho

dân làng (le mơ ngai). Lễ này phải giết trâu hoặc bò để lấy máu hiến sinh. Người phạm tội lấy máu con vật hiến sinh bôi lên trán tất cả mọi người trong làng, miệng cầu xin thần linh chứng giám lễ cúng và không làm hại dân làng.

Khi đẻ, sản phụ thường được từ 2 đến 3 người giúp đỡ, những người này thường là mẹ chồng, chồng, chị em gái của chồng. họ có nhiệm vụ giữ cho người đau đẻ qùi đồng thời chuyện trò, động viên sản phụ. Trong trường hợp khó đẻ, họ lấy vỏ quả đu đủ xanh nướng lên đắp vào gan bàn chân hoặc dùng đuôi cá chình đã phơi khô giã nhỏ thành bột hoà với nước cho sản phụ uống, đồng thời xoa bóp xung quanh vùng bụng, thậm chí nếu đẻ quá khó có thể gây ra tử vong cho sản phụ và thai nhi - Để cứu người mẹ, họ dùng tay lôi đứa trẻ ra khỏi bụng mẹ. Khi một vài biện pháp nêu trên không đem lại kết quả, gia đình phải đi mời thày cúng đến làm lễ *Paka*. Thầy cúng lấy lá cây *la tuốt* quận tròn thành ống thổi vào rốn sản phụ sau đó nhổ ít nước bọt vào rốn bà ta rồi dùng chính lá cây làm ống lau sạch đi, miệng cầu xin thần linh phù hộ cho sinh nở dễ dàng.

Sau khi cắt rốn hài nhi bằng một thanh cật nứa hoặc tre sắc cạnh, hai mẹ con sản phụ được lau sạch người bằng nước suối (hiện nay đã dùng nước sôi để nguội hoặc pha với nước suối ở độ ấm) và chuyển đến nằm cạnh bếp lửa. Họ cho rằng nằm cạnh bếp lửa sản phụ sẽ đỡ lạnh, máu đọng trong bụng sẽ tan đi và máu dễ lưu thông hơn - Điều này đã được khoa học chứng minh là đúng. Hài nhi được mẹ cho bú sau khi đẻ chừng một đến hai tiếng, mười ngày sau được tắm bằng nước lạnh (hiện nay đã tắm bằng nước ấm).

Sau khi đẻ, sản phụ kiêng ăn các loại rau xanh để tránh bị đau dạ con - Để tăng thêm chất dinh dưỡng cho sản phụ và hài nhi, những gia đình có điều kiện về vật chất thường lấy rễ và thân cây mè chế nấu lấy nước uống hoặc nấu với thịt gà cho người mẹ ăn với cơm. Tuy nhiên, số gia đình này không nhiều và cũng không được thường xuyên, dài ngày. Các gia đình khác, sản phụ sinh hoạt bình thường cùng các thành viên trong nhà. Sau khi đẻ nếu sản phụ bị đau dạ con gia đình lấy quả cây *ka tam chuôi* giã nhỏ với muối rồi hoà nước cho uống. Trường hợp không có sữa, họ lấy rễ cây *tpung gio* và rễ cây *mè chế* ngâm trong nước muối sau đó lấy nước uống. Hoặc người chồng vào rừng chặt một miếng vỏ cây *cơ dêt*([4]) đem về. Đầu tiên anh ta cầm miếng vỏ cây ở tay trái huơ xung quanh người vợ 6 vòng, tiếp tục chuyển sang tay phải quay 7 vòng, cuối cùng hai vợ chồng đan chéo 4 bàn tay lại với nhau, miệng đồng thanh xin thần linh ban cho sữa để nuôi con.

Sau khi đẻ nếu người mẹ hay đứa trẻ bị ốm, gia đình phải mời thày cúng đến làm lễ *nọ ông*. Trước tiên thầy phải bói tìm ra nguyên nhân gây ra ốm đau, thường là do thần cây đa hay thần đá làm. Nếu do thần cây đa phải có chó trắng, nếu là thần đá phải có gà trắng để làm đồ hiến tế. Thầy cúng cùng bố đứa trẻ mang con vật hiến sinh đến gốc cây to hoặc hòn đá to nhất trong rẫy của mình, cắt tiết con vật, lấy máu vẩy vào đó, đồng thời cầu xin thần linh phù hộ cho vợ con mình khỏi bệnh.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ khi đau đẻ, gia đình còn tiến hành nhiều kiêng cữ và nghi lễ cầu cúng tốn kém phức tạp khác, nhằm cầu mong cho điều xấu không xảy ra với người mẹ và đứa trẻ, đứa bé lớn lên khoẻ mạnh giàu sang. Sau 15 ngày kể trên, sản phụ bắt đầu làm các công việc bình thường ở nhà, thậm chí họ phải địu con lên rẫy, lên rừng để kiếm rau quả và lao động sản

xuất... khi vụ mùa cần kíp, hoặc trong thời kỳ đói kém...

Cũng như hầu hết các dân tộc khác, người Ve không thích đẻ sinh đôi. Điều đó xuất phát từ đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, sinh đôi sẽ gây khó khăn cho việc nuôi dưỡng và lao động sản suất của người mẹ. Do đó họ kiêng không mặc chung quần áo hoặc bước qua chân của đôi vợ chồng đã từng sinh đôi, với hy vọng mình sẽ không đẻ sinh đôi như họ.

II.TỤC CƯA RĂNG

Như nhiều dân tộc khác trong vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, trước đây nam nữ Ve đến tuổi trưởng thành đều phải trải qua tục xâu tai và cưa răng. Tục cưa răng (kít năng)([5]) là tục quan trọng trong đời người - đây chính là lễ thành đinh nguyên thuỷ để chuyển từ giai đoạn trẻ con thành người đã lớn. Nam nữ từ 13 tuổi trở lên, sau khi đã xâu tai mới được cưa răng. Ba năm làng tổ chức một lần vào tháng hai âm lịch. Mỗi nhà có người bị cưa răng phải đem ra nhà *âng* (nhà chung của làng) một con trâu để làm lễ tế thần liên hoan và đãi khách.

Trước khi cưa răng, chủ làng tiến hành nghi lễ cầu xin thần linh phù hộ cho những người bị cưa răng ít bị chảy máu, cưa răng đỡ đau, không bị nhiễm trùng và không ai bị chết. Tại nhà *âng*, ở trên vách phía trong có để các đầu thú mà dân làng săn được, là nơi chủ làng làm lễ cúng thần. Sau lễ cúng, mọi người ăn no và bắt đầu cưa răng. Những người bị cưa răng nằm trên bãi đất trống giữa làng, cạnh nhà *âng*. Anh em bạn bè đứng xung quanh che nắng và động viên họ. Một người phụ nữ bóp miệng người bị cưa cho há ra giữ chặt không cho giật lắc để khỏi cưa vào lưỡi hay môi. Một người đàn ông dùng hòn đá mài mỏng cưa từng chiếc răng cho đứt hẳn, tất cả 6 cái hàm dưới và 6 cái hàm trên của răng cửa.

Cưa xong, người bị cưa được xúc miệng bằng nước ấm cho sạch máu và nhớt, sau đó lau sạch miệng bằng bông, rồi lấy qủa chuối xanh nướng lên, chẻ đôi đắp lên chỗ răng mới cưa để cầm máu và mau lành vết thương. Sau đó, họ lấy vỏ cây *don* đốt lấy nhựa miết vào chỗ răng mới cưa cho đen và chắc căng. Cưa xong chủ làng đi kiểm tra từng người một xem cưa đủ và đứt hết chưa, sau đó mới được đưa lên nhà *âng* nằm nghỉ. Người bị cưa răng được chăm sóc cẩn thận cho tới khi vết thương lành hẳn, ăn uống bình thường mới được về nhà. Thời gian nằm nghỉ tại nhà *âng*, làng cử người phụ nữ đã tham gia cưa răng trực tiếp chăm sóc việc ăn uống, lấy vải hơ nóng để xoa bóp, chườm lên vùng miệng cho đỡ đau, không bị tụ máu. Người bị cưa răng được ăn các đồ nấu mặn, rau muối và ớt để mau lành vết thương. Ngoài ra, còn nhiều kiêng cữ và nghi lễ cầu cúng khác nữa nhằm cầu mong sức khoẻ cho những người bị cưa răng.

Đây là một tập tục có từ lâu đời, ngoài quan niệm thẩm mỹ là tạo ra sự khác biệt với các con vật khác, còn bao hàm ý niệm về tôn giáo, với niềm tin khi chết linh hồn mới được về với tổ tiên.

III.ĐÔI ĐIỀU NHẬN XÉT

Người Ve có nhiều kinh nghiệm và kiến thức dân gian trong sinh đẻ như: đẻ trong nhà, có người giúp đỡ đẻ (có nhiều dân tộc đẻ trong rừng) và nằm gần bếp lửa, các kinh nghiệm khi khó đẻ và các bài thuốc chữa đau dạ con, tăng thêm dinh dưỡng cho hai mẹ con cũng như kinh nghiệm chống mất sữa... Trong điều kiện của người Ve, các tri thức địa phương này có vai trò quan trọng trong việc sinh đẻ cũng như bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ sơ sinh. Những kinh nghiệm này cần tạo điều kiện để phát triển rộng rãi, không nên xem đây là một yếu tố lạc hậu, có hại.

Tuy nhiên trên nền tảng kinh tế - xã hội thấp kém, đời sống còn ở mức nghèo khổ, nên sản phụ không những không có thời gian nghỉ ngơi để dưỡng thai mà còn phải lao động nặng nhọc trong suốt thời gian mang thai và tương tự như vậy ngay sau khi đẻ ít ngày. Đồng thời cũng không có chế độ ăn uống riêng cho sản phụ trong thời gian sinh đẻ để đảm bảo sức khoẻ cho cả mẹ và con. Thêm vào đó là mức độ y học nói chung, vệ sinh nói riêng còn kém, nhất là về vệ sinh trong sinh đẻ nên các yếu tố gây bệnh dễ xâm nhập vào cơ thể sản phụ và thai nhi, vì thời gian này sức đề kháng của cơ thể rất yếu...Điều đó đã dẫn đến ốm đau, dịch bệnh, khi đó họ lại chủ yếu dựa vào việc cúng cầu thần linh, ma quỉ phù hộ...Đó là nguyên nhân của tình trạng hữu sinh vô dưỡng ở hầu hết các dân tộc trước đây.

Các cấm đoán việc mang thai trái với luật tục, tuy có ảnh hưởng không tốt đến việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em, nhưng trên thực tế rất hiếm trường hợp vi phạm vì người dân tuyệt đối tuân thủ theo luật tục đã quy định. Do đó , chúng ta cũng nên giữ gìn và phát triển các luật tục này, vì nó bảo đảm sự lành mạnh của gia đình, xã hội, đồng thời cũng góp phần vào việc hạn chế sinh đẻ, nhất là những trường hợp sinh đẻ trái với luật tục là thực sự không cần thiết cho gia đình và xã hội.

Tục cưa răng một tập tục có liên quan đến niềm tin tôn giáo của người dân, tuy nhiên nó thực sự ảnh hưởng có hại một cách trực tiếp đến sức khoẻ của con người. Thực tế đã có nhiều người bị ngất khi đang cưa răng vì mất nhiều máu, đau đớn vì sợ hãi. Sau khi cưa, đã để lại nhiều di chứng thuộc về răng và miệng như: thối lợi, long răng, vẹo mồm, thậm chí có người chết vì bị nhiễm trùng nặng...Điều này càng có hại cho sức khoẻ khi người bị cưa răng đang ở tuổi lớn, tuổi phát triển về thể lực. Song tập tục này đang mất dần kể từ khi cách mạng thành công.

Giảm tỷ lệ sinh, đồng thời nâng cao chất lượng dân số là hai yếu tố không thể tách rời của chương trình dân số- KHHGĐ. Để nâng cao chất lượng dân số, chúng ta cần có một chương trình với các biện pháp cụ thể, tiến hành đồng bộ, toàn diện và liên tục, mà trước hết nên ưu tiên gắn liền với chương trình xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức dinh dưỡng trong nhân dân, đặc biệt cho phụ nữ và trẻ em, có kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, giảm bệnh tật, giảm tỷ lệ chết của bà mẹ và trẻ khi sinh đẻ, đồng thời nâng cao dân trí ở người Ve nói riêng, vùng đồng bào các dân tộc nói chung bằng cách phát triển hệ thống giáo dục y tế, truyền thông ở đây.

CHÚ THÍCH

(1). Theo số liệu điền dã của tác giả năm 1994.

(2). Theo số liệu thống kê của phòng thống kê huyện Giằng, tỉnh Quảng Nam -Đà Nẵng (cũ)

(3). Danh mục các dân tộc ở Việt Nam, Dân số Việt Nam 1-10 - 1979. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số TƯ, H. 1983

(4). Là một loại cây không có hoa nhưng lại có quả

(5). Xin xem thêm: Nguyễn Văn Minh. Tập tục cưới xin truyền thống của người Ve ở Quảng Nam -Đà Nẵng, Tạp chí DTH. số 3 - 1995